

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS-ST

Ngày: 10 - 8 - 2026

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng.

Bà Trương Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị (được biệt phái về Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị theo Quyết định biệt phái số 672/QĐ-TCCB ngày 06/8/226 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử án Dân sự Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2026, về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày: 08/4/1991; CCCD: 044091012937; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Anh H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày: 15/7/1976; CCCD: 044076002108; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông T có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh ngày: 25/10/1953; CCCD: 044053000521; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 02/03/1963; CCCD: 044063001119; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T2, sinh ngày: 03/07/1968; CCCD: 044068000640; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh ngày: 10/01/1971; CCCD: 044171002560; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T3, sinh ngày: 10/10/1973; CCCD: 044073007956; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T4, sinh ngày: 20/01/1979; CCCD: 044079005089; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 08/08/1958; (đã chết năm 3/9/2025); địa chỉ: TDP T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. *(Là con đẻ của ông Nguyễn Văn M, bà Đặng Thị L).*

Những người thừa kế thế vị phần di sản Ông V được hưởng (nhận di sản thừa kế chuyển tiếp) gồm:

+ Bà Hoàng Thị N1, sinh ngày: 01/01/1961 (Vợ ông V); CCCD: 044161001257; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn A, sinh ngày: 16/08/1988; CCCD: 044088004950; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thu H1, sinh ngày: 10/08/1994; CCCD: 044194011078 địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh ngày: 10/02/1998; CCCD: 044198002200; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Phần trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H:***

Ông bà nội của anh H là Nguyễn Văn M1 (mất năm 1980) và bà Đặng Thị L (mất năm 2025) quá trình chung sống có khai hoang thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18, địa chỉ: TDP T, Phường Đ, Tỉnh Quảng Trị để trồng cây làm ăn kinh tế nuôi con cái. Ông bà nội anh H sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1953; ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1958 (là bố đẻ của anh H, mất năm 2025); ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1963, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1973, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1979.

Đến năm 2006, do gia đình đông con, nhà cửa chật chội không có chỗ ở cho các con, nên bà nội của anh H là cụ Đặng Thị L đã xây dựng thêm một căn nhà trên mảnh đất nói trên để cho các con có chỗ ăn chỗ ở. Đến năm 2010, vợ chồng chú anh H là Nguyễn Văn T, đã lập gia đình và con cái nên được bà nội anh H cho ở tạm trong căn nhà này từ đó tới nay. Tuy nhiên, khi còn sống bà nội anh H đã tuyên bố bằng miệng là miếng đất này sẽ cho anh H khi anh H có gia đình riêng, việc bà nội cho anh H mảnh đất này thì trong gia đình ai cũng biết, chú T cũng biết về vấn đề này. Tuy nhiên, do kém hiểu biết về luật pháp, tình cảm tình thân và vì một phần điều kiện kinh tế gia đình chưa có nên anh H chưa đi đòi lại phần đất mà bà nội của anh đã hứa cho anh bằng miệng, mà các chú bác anh em trong nhà đều biết. Nay anh H cũng đã lập gia đình, cần có đất để ra ở riêng, chú T cũng nên trả lại căn nhà mảnh đất mà bà nội hứa cho anh H. Nay bà nội anh H đã mất, không để lại di chúc, mảnh đất chú T ở tạm nhưng chú T không muốn trả lại. Mặc dù thửa đất hiện nay chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà nội anh H, tuy nhiên chú Trần Văn T5 đã ở và các giấy tờ như sổ mục kê, kết quả đo đạc thửa đất đều đứng tên chú T5 (vì chú đã ở từ năm 2010).... Bà nội anh H đã canh tác và sử dụng lâu dài nhưng chưa có điều kiện để đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ đất.

Sau khi nhận được kết quả đo đạc do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị tiến hành ngày 26/3/2026, anh nhất trí với kết quả đo đạc và yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) là di sản của ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị L chết để lại chưa được phân chia theo kết quả đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Phân chia phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị L để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Di sản mà bà L chết để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 có diện tích 997,6m² có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ. Giá trị thửa đất và ngôi nhà cấp 4 trên đất khoảng 300.000.000 đồng. Đối với di sản mà ông M1, bà L để lại như trên, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – tỉnh Quảng Trị chia thừa kế theo pháp luật 08 phần bằng nhau để ai cũng có phần thừa kế thế vị tài sản của ông, bà nội để lại, cũng như đó là ý nguyện của bà nội anh H. Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết để anh H được liên hệ các cơ quan nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho anh H đối với các thửa đất nói trên, đảm bảo quyền lợi cho anh H cùng các đồng thừa kế.

**** Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Văn T:***

Bố mẹ ông T là ông Nguyễn Văn M1 (mất năm 1980) và bà Đặng Thị L (mất năm 2025) quá trình chung sống có khai hoang thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18, địa chỉ: TDP T, Phường Đ, Tỉnh Quảng Trị để trồng cây làm ăn kinh tế nuôi

con cái. Bố mẹ ông sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1953; ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1958 (mất năm 2025); ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1963, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1973, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1979.

Sau khi bố mất, mẹ ông một mình nuôi con, đến năm 2006, do gia đình đông con, nhà cửa chật chội không có chỗ ở cho các con, nên bà Đặng Thị L đã xây dựng thêm một căn nhà trên mảnh đất nói trên để cho các con có chỗ ăn chỗ ở. Đến năm 2010, vợ chồng ông T đã lập gia đình và con cái nên được bà L cho ở tạm trong căn nhà này từ đó tới nay. Tuy nhiên, khi còn sống mẹ ông T đã tuyên bố bằng miệng là miếng đất này sẽ cho cháu là Nguyễn Văn H khi cháu có gia đình riêng, việc mẹ ông T cho cháu H mảnh đất này thì trong gia đình ai cũng biết, bản thân ông T cũng biết về vấn đề này. Nay cháu H (Con anh V – đã mất) cũng đã lập gia đình, cần có đất để ra ở riêng. Cháu H có đơn khởi kiện nộp cho Tòa án, về các nội dung trong đơn khởi kiện ông hoàn toàn nhất trí. Vì đây là ý nguyện của mẹ ông cũng có sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình, nhưng vì mẹ ông mất không để lại di chúc nên hiện nay phải chia thừa kế theo pháp luật. Ông cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của ba mẹ, trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì ông T cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Ông T cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/6/2026 (sơ đồ đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành. Đồng thời nhất trí yêu cầu khởi kiện của cháu H :

- Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) là di sản của ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị L chết để lại chưa được phân chia theo kết quả đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung khởi kiện thứ hai: Xét thấy các tài sản trên là do bố mẹ ông T tạo dựng, lúc đó các anh em trong nhà đều còn nhỏ, nên phần giá trị các tài sản do bố mẹ để lại ông T xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản mà ông được hưởng của bố mẹ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 có diện tích 997,6m² có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cho cháu H quản lý, sử dụng vì đây cũng là di nguyện của mẹ ông khi còn sống.

*** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn T4:**

Các ông bà đều thống nhất cùng trình bày như sau: Bố mẹ của các ông bà là ông Nguyễn Văn M1 (mất năm 1980) và bà Đặng Thị L (mất năm 2025) quá trình

chung sống có khai hoang thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18, địa chỉ: TDP T, Phường Đ, Tỉnh Quảng Trị để trồng cây làm ăn kinh tế nuôi con cái. Ông M1 và bà L sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1953; ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1958 (mất năm 2025); ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1963, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1973, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1979.

Sau khi ông M1 mất, bà L một mình nuôi con, đến năm 2006, do gia đình đông con, nhà cửa chật chội không có chỗ ở cho các con, nên bà L đã xây dựng thêm một căn nhà trên mảnh đất nói trên để cho các con có chỗ ăn chỗ ở. Đến năm 2010, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, đã lập gia đình và con cái nên được bà L cho ở tạm trong căn nhà này từ đó tới nay. Tuy nhiên, khi còn sống bà L đã tuyên bố bằng miệng là miếng đất này sẽ cho cháu là Nguyễn Văn H (con trai của anh V) khi cháu có gia đình riêng, việc này trong gia đình ai cũng biết. Nay cháu H (Con anh V – đã mất) cũng đã lập gia đình, cần có đất để ra ở riêng. Cháu H có đơn khởi kiện nộp cho Tòa án, về các nội dung trong đơn khởi kiện các ông bà hoàn toàn nhất trí. Vì đây là ý nguyện của mẹ các ông bà và cũng có sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình, nhưng vì mẹ mất không để lại di chúc nên hiện nay phải chia thừa kế theo pháp luật. Các ông, bà cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của ba mẹ trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Các ông, bà cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/6/2026 (sơ đồ đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành do Tòa án tiến hành mà cháu H yêu cầu. Các ông, bà nhất trí yêu cầu khởi kiện của anh H:

- Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) là di sản của ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị L chết để lại chưa được phân chia theo kết quả đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung khởi kiện thứ hai: đối với phần giá trị các tài sản do bố mẹ của các ông bà để lại, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn T4 đều xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản mà được hưởng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 có diện tích 997,6m² có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cho cháu H quản lý, sử dụng vì đây cũng là di nguyện của mẹ các ông bà khi còn sống. Yêu cầu Tòa án giải quyết để cháu H được liên hệ các cơ quan nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho cháu H.

*** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 (thừa kế thế vị phần di sản mà ông Nguyễn Văn V được nhận):**

Điều thống nhất trình bày ý kiến về việc được thừa kế thế vị phần di sản mà bố các anh chị là ông Nguyễn Văn V (chết năm 2025) được hưởng. Ông bà nội của các anh chị là ông Nguyễn Văn M1 (mất năm 1908) và bà Đặng Thị L (mất năm 2025) quá trình chung sống có khai hoang thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18, địa chỉ: TDP T, Phường Đ, Tỉnh Quảng Trị để trồng cây làm ăn kinh tế nuôi con cái. Ông bà nội của các anh chị sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1953; ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1958 (mất năm 2025); ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1963, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1973, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1979.

Sau khi ông nội mất, bà nội một mình nuôi con, đến năm 2006, do gia đình đông con, nhà cửa chật chội không có chỗ ở cho các con, nên bà Đặng Thị L đã xây dựng thêm một căn nhà trên mảnh đất nói trên để cho các con có chỗ ăn chỗ ở. Đến năm 2010, vợ chồng chú Nguyễn Văn T, đã lập gia đình và con cái nên được bà nội của các anh chị cho ở tạm trong căn nhà này từ đó tới nay. Tuy nhiên, khi còn sống bà nội đã tuyên bố bằng miệng là miếng đất này sẽ cho cháu là Nguyễn Văn H khi cháu có gia đình riêng, việc bà cho H mảnh đất này thì trong gia đình ai cũng biết, bản thân các anh chị cũng biết về vấn đề này. Nay H cũng đã lập gia đình, cần có đất để ra ở riêng và có đơn khởi kiện nộp cho Tòa án, về các nội dung trong đơn khởi kiện các anh, chị hoàn toàn nhất trí. Vì đây là ý nguyện của bà nội cũng có sự đồng ý của các Bác, các chú và o trong gia đình, do bà nội chết không để lại di chúc nên hiện nay phải chia thừa kế theo pháp luật. Các anh chị cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của ông bà nội trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì các anh chị cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Các anh, chị là hàng thừa kế thế vị nên cũng nhất trí sẽ được hưởng phần di sản của ông bà nội mà bố là ông Nguyễn Văn V được hưởng theo quy định. Và cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/6/2026 (sơ đồ đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành do Tòa án tiến hành mà H yêu cầu. Các anh chị nhất trí yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn H :

- Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) là di sản của ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị L chết để lại chưa được phân chia theo kết quả đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung khởi kiện thứ hai: Xét thấy các tài sản trên là ông bà nội tạo dựng, nên phần giá trị các tài sản do ông bà nội để lại phần hưởng di sản của bố

Nguyễn Văn V (chia cho 4 anh em gồm Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Văn H) các anh chị em xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản các anh chị được nhận trong phần di sản mà bố được hưởng của ông bà nội là 1 phần trong 8 phần của di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 có diện tích 997,6m² có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cho Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng vì đây cũng là di nguyện của bà nội các anh chị khi còn sống, cũng như ý của các bác, các chú và O.

- Đồng thời các anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết để Nguyễn Văn H được liên hệ các cơ quan nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đảm bảo quyền lợi cho anh Nguyễn Văn H cũng như ý nguyện của cả gia đình.

**** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị N1 -vợ ông V – mẹ đẻ anh H (thừa kế chuyển tiếp phần di sản mà ông Nguyễn Văn V được nhận):***

Bố mẹ chồng bà là ông Nguyễn Văn M1 (mất năm 1908) và bà Đặng Thị L (mất năm 2025) quá trình chung sống có khai hoang thửa đất số 19 tờ bản đồ số 18, địa chỉ: TDP T, Phường Đ, Tỉnh Quảng Trị để trồng cây làm ăn kinh tế nuôi con cái. Bố mẹ chồng bà sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1953; ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1958 (mất năm 2025); ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1963, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1973, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1979. Sau khi bố chồng mất, mẹ chồng một mình nuôi con, đến năm 2006, do gia đình đông con, nhà cửa chật chội không có chỗ ở cho các con, nên bà Đặng Thị L đã xây dựng thêm một căn nhà trên mảnh đất nói trên để cho các con có chỗ ăn chỗ ở. Đến năm 2010, vợ chồng chú Nguyễn Văn T, đã lập gia đình và con cái nên được mẹ chồng cho ở tạm trong căn nhà này từ đó tới nay.

Tuy nhiên, khi còn sống mẹ chồng bà đã tuyên bố bằng miệng là miếng đất này sẽ cho cháu là Nguyễn Văn H (con trai bà) khi cháu có gia đình riêng, việc mẹ chồng cho H mảnh đất này thì trong gia đình ai cũng biết. Nay H cũng đã lập gia đình, cần có đất để ra ở riêng. Việc H có đơn khởi kiện nộp cho Tòa án, về các nội dung trong đơn khởi kiện bà hoàn toàn nhất trí. Vì đây là ý nguyện của mẹ chồng cũng có sự đồng ý của các Bác, các chú và O trong gia đình, do mẹ chồng chết không để lại di chúc nên hiện nay phải chia thừa kế theo pháp luật. Bà N1 cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của bố mẹ chồng trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì bà cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Bà là hàng thừa chuyển tiếp phần di sản của chồng là ông V để lại nên cũng nhất trí sẽ được hưởng phần di sản của bố mẹ chồng mà chồng bà được hưởng theo quy định. Và bà cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/6/2026 (sơ đồ đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị) do Tòa án nhân dân

khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành theo yêu cầu của H. Bà nhất trí yêu cầu khởi kiện của H :

- Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) là di sản của ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị L chết để lại chưa được phân chia theo kết quả đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung khởi kiện thứ hai: Xét thấy các tài sản trên là bố mẹ chồng tạo dựng, nên phần giá trị các tài sản do bố mẹ chồng để lại phần hưởng di sản của ông Nguyễn Văn V (chia cho 4 người con gồm Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Văn H và bà nữa là 05 phần) bà xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản được nhận trong phần di sản mà chồng bà được hưởng của bố mẹ chồng là 1 phần trong 8 phần của di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 có diện tích 997,6m² có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cho Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng vì đây cũng là di nguyện của mẹ chồng bà khi còn sống, cũng như ý của các bác, các chú và O, các con của bà.

- Đồng thời bà yêu cầu Tòa án giải quyết để anh H được liên hệ các cơ quan nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Văn H4 đối với thửa đất nói trên, đảm bảo quyền lợi cho H4.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Quá trình thụ lý giải quyết đơn khởi kiện đã được Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hoạt động thu thập tài liệu chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ, viết bản tự khai đúng quy định. Thời hạn giải quyết vụ việc đúng quy định, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, tiến hành viết bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến yêu cầu đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

* Đề xuất:

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147, 165 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn H, giao toàn bộ phần di sản của ông Nguyễn Văn M1, bà Đặng Thị L cho anh Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng do bị đơn cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ chối nhận phần di sản thừa kế, thống nhất giao cho anh H.

Nguyên đơn Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Bị đơn Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do từ chối nhận phần di sản thừa kế

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T về việc chia di sản của cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng Thị L chết để lại theo pháp luật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Xét, đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế thứ nhất là ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn T4 có bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án; những người thừa kế thế vị và thừa kế chuyển tiếp phần di sản ông Nguyễn Văn V được nhận gồm: Hoàng Thị N1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thu H1, Nguyễn Thị H2 có bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người thừa kế thế vị và thừa kế chuyển tiếp phần di sản ông Nguyễn Văn V được nhận có tên như trên.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Đặng Thị L chết năm 2025. Anh Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vào ngày 08/02/2026 nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Các đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng Thị L như sau: Cụ Nguyễn Văn M1 (mất năm 1980) và cụ Đặng Thị L (mất ngày 20/6//2025), có 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1953; ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1958 (mất ngày 03/9/2025); ông Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1963, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1968, bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1973, ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976, ông Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1979. Hai cụ không có con riêng, không có con nuôi.

[1.5] Khi còn sống, cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng Thị L tạo lập được khối tài sản gồm diện tích $997,6\text{m}^2$ tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Sau khi cụ M1 chết, cụ L một mình nuôi con. Đến năm 2006, do gia đình đông con, nhà cửa chật chội không có chỗ ở cho các con, nên cụ L đã xây dựng thêm một căn nhà trên mảnh đất nói trên để cho các con có chỗ ăn chỗ ở. Đến năm 2010, vợ chồng ông T đã lập gia đình và con cái nên được cụ L cho ở tạm trong căn nhà này từ đó tới nay. Tuy nhiên, khi còn sống cụ L đã tuyên bố bằng miệng là miếng đất này sẽ cho cháu nội là Nguyễn Văn H khi cháu có gia đình riêng. Việc cụ L có nguyện vọng và đã tuyên bố bằng miệng cho cháu H mảnh đất này thì trong gia đình ai cũng biết và không có ý kiến gì.

[3] Các bên đương sự đều thống nhất kết quả thẩm định, định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 26/3/2026 (sơ đồ đo đạc ngày 22/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Quảng Trị) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành. Cụ thể, theo biên bản thẩm định, biên bản định giá được Tòa án lập ngày 23/12/2025 và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được các đương sự nhất trí về kết quả đo đạc và kết quả định giá, được thể hiện:

* Về đất: Có các tứ cạnh tiếp giáp như sau: Có các tứ cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp đường giao thông có kích thước $16,22\text{m}+14,38\text{m}$ (điểm 1-2, điểm 2-3); phía Đông Nam giáp thửa đất số 18 có kích thước $36,23\text{m}$ (điểm 3-4); phía Tây Nam giáp thửa đất số 11 và số 1352 có kích thước $18,22\text{m} + 12,08\text{m}$ (điểm 4-5, điểm 5-6); phía Tây Bắc giáp thửa đất số 11 có kích thước $31,71\text{m}$ (điểm 6-1).

* Về tài sản trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2002, mái lợp ngói, móng đá học, tường xây bao quanh bằng block, nền láng xi măng, cửa sổ và cửa chính được làm bằng tôn, hệ thống điện nước đầy đủ. Phần nhà bếp cũng được xây tường block, móng đá học, nền láng xi măng, mái lợp pro xi măng. Có các loại cây: 7 cây mít cao 3-5m, 7 cây mai khoảng 7-10 năm, 02 cây xoài cao từ 5-7m, 01 cây nhãn cao từ 3-5m.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 26/3/2026, Hội đồng định giá đã căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Q để xác định giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp. Theo đó, giá đất ở tại vị trí, khu vực có thửa đất tranh chấp là $2.000.000$ đồng/ m^2 ; đối với đất trồng cây lâu năm, giá đất được xác định bằng 50% giá đất ở, tương ứng $1.000.000$ đồng/ m^2 . Các đương sự đều thống nhất với kết quả định giá tài sản do Hội đồng định giá thực hiện và không có ý kiến khiếu nại, yêu cầu định giá lại. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ sử dụng kết quả định giá nêu trên làm cơ sở xác định giá trị di sản và giải quyết vụ án.

Đối với quyền sử dụng đất diện tích $997,6\text{m}^2$ tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, giá trị cụ thể được xác định theo từng loại đất và diện tích thực tế của từng loại

đất theo kết quả đo đạc, định giá. Giá trị căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất được xác định theo kết quả định giá tại Biên bản định giá tài sản ngày 26/3/2026. Về tài sản trên đất mặc dù được định giá, tuy nhiên tại phiên tòa, bản tự khai các đương sự không yêu cầu xác định giá trị để phân chia di sản, cùng thống nhất chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Do đó, tổng giá trị di sản được xác định bằng tổng giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá ngày 26/3/2026. Đây là căn cứ để xác định phần giá trị di sản mà từng người thừa kế được hưởng và nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xác định di sản thừa kế:

[4.1] *Về hàng thừa kế và phần di sản của cụ Nguyễn Văn M1*: Các đương sự thống nhất xác định cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng Thị L có 08 người con gồm: ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T4; cụ M1 và cụ L không có con riêng, con nuôi khác.

Cụ Nguyễn Văn M1 chết trước ông Nguyễn Văn V và không để lại di chúc. Tại thời điểm cụ M1 chết, ông Nguyễn Văn V còn sống nên ông V là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M1 và được hưởng một phần di sản của cụ M1. Vì vậy, không áp dụng quy định về thừa kế thế vị đối với phần di sản mà ông V được hưởng từ cụ M1. Di sản của cụ M1 được xác định là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung của cụ M1 và cụ L. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ M1 gồm cụ Đặng Thị L và 08 người con. Do đó, di sản của cụ M1 được chia thành 09 phần bằng nhau. Phần di sản cụ M1 để lại cho ông Nguyễn Văn V là một phần trong 09 phần di sản của cụ M1. Khi ông V chết, phần di sản này trở thành di sản của ông V và được giải quyết trong khối di sản của ông V theo quy định của pháp luật.

[4.2] *Về di sản của cụ Đặng Thị L*: Cụ Đặng Thị L chết sau cụ Nguyễn Văn M1 nhưng chết trước ông Nguyễn Văn V. Cụ L không để lại di chúc. Vì vậy, tại thời điểm cụ L chết, ông Nguyễn Văn V còn sống và là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L. Di sản của cụ L bao gồm phần tài sản thuộc quyền của cụ L trong khối tài sản chung với cụ M1 và phần di sản cụ L được hưởng từ cụ M1. Đối với phần di sản của cụ M1 mà cụ L được hưởng, đây là tài sản thuộc quyền của cụ L và khi cụ L chết, phần tài sản này trở thành di sản của cụ L. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm 08 người con: ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T4. Do ông Nguyễn Văn V còn sống tại thời điểm cụ L chết nên ông V được hưởng một phần di sản của cụ L. Như vậy, phần di sản mà ông Nguyễn Văn V được hưởng từ cụ Nguyễn Văn M1 và phần di sản mà ông V được hưởng từ cụ Đặng Thị L đều đã phát sinh quyền thừa kế của ông V trước khi ông V chết.

[4.3] *Về di sản của ông Nguyễn Văn V và những người thừa kế của ông V*: Ông Nguyễn Văn V chết năm 2025, sau thời điểm cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng

Thị L chết. Do đó, quyền tài sản mà ông V được hưởng từ di sản của cụ M1 và cụ L đã phát sinh trước khi ông V chết và trở thành một phần di sản của ông V. Ông Nguyễn Văn V có 04 người con gồm: anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H3 và chị Nguyễn Thị H2 và vợ Hoàng Thị N1 còn sống (nhận phần chuyên tiếp). Các đương sự đều thống nhất về quan hệ cha, con và thống nhất xác định những người này là những người được hưởng phần di sản của ông V theo quy định của pháp luật.

Do ông V chết sau cụ M1 và cụ L nên trường hợp này không phải là thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự. Anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H3 và chị Nguyễn Thị H2 hưởng phần di sản của ông V với tư cách là những người thừa kế của ông V. Phần di sản của ông V được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông V theo quy định của Bộ luật Dân sự.

[5] *Về nguyện vọng của cụ Đặng Thị L và ý kiến thống nhất của các đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định khi còn sống cụ Đặng Thị L có nguyện vọng cho cháu nội là anh Nguyễn Văn H thừa đất đang tranh chấp khi anh H có gia đình riêng. Việc này được các thành viên trong gia đình biết và không ai phản đối. Tuy nhiên, cụ L chết không để lại di chúc nên không có căn cứ pháp lý để xác định toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được cụ L định đoạt cho anh H theo hình thức di chúc. Do đó, việc xác định quyền hưởng di sản phải được thực hiện theo quy định về thừa kế theo pháp luật. Mặc dù vậy, sau khi xác định phần di sản của từng người theo quy định pháp luật, các đồng thừa kế đều có quyền định đoạt đối với phần tài sản mà mình được hưởng trong phạm vi pháp luật cho phép.

Trong vụ án, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn T3, ông Nguyễn Văn T4 và ông Nguyễn Văn T đều từ chối nhận di sản của bố mẹ để lại và tự nguyện thống nhất giao phần di sản mà mình được hưởng cho anh Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng.

Đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị H3 và chị Nguyễn Thị H2 bà Hoàng Thị N1 cũng đều thống nhất từ chối nhận và giao phần di sản mà mình được hưởng từ ông V cho anh Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng.

Các đương sự đều thống nhất với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc giao toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất cho anh H quản lý, sử dụng.

Xét thấy, sự tự nguyện của các đương sự được thể hiện thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc các đương sự bị ép buộc hoặc việc thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản đối với người thứ ba. Sự tự nguyện này không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] *Về việc xác định người được nhận và quản lý, sử dụng di sản:* Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng diện tích đất 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất là di sản của cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng Thị L chưa được phân chia. Các đồng thừa kế của cụ M1, cụ L và những người thừa kế của ông V đều thống nhất giao phần di sản mà mình được hưởng cho anh Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng. Mặt khác, ông Nguyễn Văn T hiện đang trực tiếp quản lý, sử dụng căn nhà và đất tranh chấp nhưng chính ông T cũng xác nhận chỉ được cụ L cho ở tạm và tại phiên tòa ông T tự nguyện đồng ý giao lại toàn bộ tài sản cho anh H.

Vì vậy, việc giao tài sản cho anh H là có căn cứ và phù hợp với ý chí của các đương sự. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H; giao cho anh Nguyễn Văn H được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo kết quả đo đạc, thẩm định và định giá đã được các đương sự thống nhất. Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất $1.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 997,6\text{m}^2 = 997.600.000 \text{ đồng}$.

Anh Nguyễn Văn H có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[7] *Về việc giao tài sản:* Do ông Nguyễn Văn T đang quản lý, sử dụng tài sản và đã tự nguyện thống nhất giao tài sản cho anh Nguyễn Văn H nên cần buộc ông Nguyễn Văn T giao cho anh Nguyễn Văn H toàn bộ diện tích đất 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 cùng tài sản gắn liền với đất theo hiện trạng thực tế.

[8] Về án phí và chi phí tố tụng:

[8.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 5.600.000 đồng. Anh Nguyễn Văn H đã tự nguyện chịu nộp toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp xong.

[8.2] Về án phí:

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ chối nhận và nhường di sản nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn được hưởng toàn bộ khối di sản thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh H phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định để sung quỹ nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong nước có quyền kháng cáo cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với bị đơn Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

2. Xác định quyền sử dụng diện tích đất 997,6m², tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ, nay thuộc phường Đ, tỉnh Quảng Trị, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án là di sản do cụ Nguyễn Văn M1 và cụ Đặng Thị L chết để lại chưa phân chia.

3. Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền quản lý, sử dụng đối với nhà đất, tài sản trên đất tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18, có diện tích đất 997,6m² địa chỉ tại: Thôn T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI, tỉnh Quảng Trị lập ngày 22/5/2026. Có các tứ cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp đường giao thông có kích thước 16,22m+14,38m (điểm 1-2, điểm 2-3); phía Đông Nam giáp thửa đất số 18 có kích thước 36,23m (điểm 3-4); phía Tây Nam giáp thửa đất số 11 và số 1352 có kích thước 18,22m + 12,08m (điểm 4-5, điểm 5-6); phía Tây Bắc giáp thửa đất số 11 có kích thước 31,71m (điểm 6-1).

(Có sơ đồ kèm theo)

Anh Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị tổ chức đăng ký đất đai có thẩm quyền chỉnh lý, cập nhật biên động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo nội dung Bản án, quyết định này.

4. Buộc ông Nguyễn Văn T giao cho anh Nguyễn Văn H toàn bộ diện tích đất 997,6m² tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 18 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo hiện trạng thực tế, để anh H quản lý, sử dụng.

5. Chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn H tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí tố tụng (đã nộp xong).

6. Án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được nhận theo quy định để sung quỹ nhà nước số tiền 41.928.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000675 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền án phí 34.428.000 đồng.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2026). Đối với những đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 1 – Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 1 – Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh

6. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là đồng. Anh Nguyễn Văn H tự nguyện chi trả.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được nhận theo quy định của pháp luật; được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ngày của Cơ quan thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần di sản được hưởng theo quy định của pháp luật.....

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.